TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02/5/2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Danh Tuất.

2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 479/2023/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐST – HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị M, sinh năm: 1974 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị M trình bày:

Bà M và ông Nguyễn Hữu H xây dựng gia đình vào năm 1993 nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung giữa bà M và ông H hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, nên thường xuyên cải nhau, vợ chồng bà M

đã cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Bà M và ông H ly thân từ tháng 4/2022 đến nay, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà M và ông H có 03 con chung tên Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1993, Nguyễn Thị Yến N, sinh năm: 1995 và Nguyễn Minh N1, sinh năm: 2000, các con chung đã trưởng thành nên bà M không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Hữu H đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng ông H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên tòa ông H đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Phan Thị M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hữu H đây là quan hệ pháp luật ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Hữu H có nơi cư trú tại huyện X, theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình tham gia tố tụng ông Nguyễn Hữu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H vắng mặt không có lý do, bà Phan Thị M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt bà M, ông H là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên: Theo Công văn số 72/CV – VKS ngày 28/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, về việc không tham gia phiên tòa, vì lý do qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ và cũng không thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện X không tham gia phiên tòa xét xử vụ án nói trên. Căn cứ quy định tại Điều 232 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử khi Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị M xây dựng gia đình với ông Nguyễn

Hữu H vào năm 1993 nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 69 quyển số 01 đăng ký ngày 15/7/2009 tại UBND xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà M cho rằng cuộc sống chung giữa bà M và ông H hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Bà M và ông H đã cố gắng giải quyết những mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Kết quả xác minh tại địa phương: Về tình trạng mâu thuẫn giữa bà Phan Thị M và ông Nguyễn Hữu H do không hòa giải ở cơ sở và không có sự trình báo nên địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa bà M và ông H. Hiện nay bà M và ông H không sống cùng nhau, ông H đang sinh sống tại ấp A, xã H, huyện X còn bà M ở đâu địa phương không rõ nhưng bà M vẫn đi đi về về để thăm gia đình. Bà M và ông H có 03 con chung, hiện 03 con chung đã trưởng thành. Nay bà M yêu cầu ly hôn với ông H, địa phương không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của bà M cho thấy: Sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà M và ông H phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc nhưng từ tháng 4 năm 2022 đến nay, bà M và ông H ly thân, mạnh ai nấy sống vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình – 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Sau khi bà M gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải nhằm đoàn tụ vợ chồng nhưng không thể hòa giải được, ông H vắng mặt không lý do, thể hiện không có thiện chí hòa giải, bà M vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông H thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông H.

[3] Về con chung: Bà Phan Thị M và ông Nguyễn Hữu H có 03 con chung tên Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1993, Nguyễn Thị Yến N, sinh năm: 1995 và Nguyễn Minh N1, sinh năm: 2000, hiện các con chung đã trưởng thành, bà M không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phan Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị M đối với ông Nguyễn Hữu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

2. Về con chung: Bà Phan Thị M và ông Nguyễn Hữu H có 03 con chung tên Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1993, Nguyễn Thị Yến N, sinh năm: 1995 và Nguyễn Minh N1, sinh năm: 2000, hiện các con chung đã trưởng thành, bà M không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005162 ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà M đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án

được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo